



guāng shù

光束

noun · beam of light

Example Sentences

Yī shù guāng shù zhào jìn fáng jiān

一束光束照进房间。

A beam of light shines into the room.

Jī guāng qì fā chū qiáng liè de guāng shù

激光器发出强烈的光束。

The laser emits a strong beam of light.

Trace each character, then write the word on your own.

光 光 光 光 光 光 光 光 光

束 束 束 束 束 束 束 束 束 束